

## 2. Hệ thống cấp nước bên trong

2.1. Trong các nhà ở, công trình công cộng có thể thiết kế những hệ thống cấp nước sau đây:

a) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và chữa cháy kết hợp.

b) Hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống cấp nước chữa cháy đặt riêng hoặc chỉ có 1 trong 2 hệ thống đó.

Trong các nhà sản xuất có thể thiết kế các hệ thống sau đây:

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt kết hợp với hệ thống cấp nước sản xuất và chữa cháy hoặc hệ thống cấp nước sinh hoạt kết hợp với hệ thống cấp nước sản xuất.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt kết hợp với hệ thống cấp nước chữa cháy hoặc hệ thống cấp nước sản xuất kết hợp với hệ thống cấp nước chữa cháy.

Các hệ thống cấp nước riêng biệt.

2.2. Việc lựa chọn hệ thống cấp nước bên trong phải căn cứ vào luận chứng kinh tế kỹ thuật, các yêu cầu vệ sinh và yêu cầu phòng cháy chữa cháy, kết hợp với các thông số kỹ thuật của hệ thống cấp nước bên ngoài và các yêu cầu về công nghệ sản xuất.

2.3. Trong các nhà sản xuất và các nhà phụ trợ của xí nghiệp công nghiệp, có thể thiết kế các hệ thống cấp nước tuần hoàn, hệ thống sử dụng lại, hệ thống cấp nước lạnh, hệ thống chung cất nước, hệ thống làm mềm nước...

Việc xác định phương án thiết kế, phải căn cứ vào yêu cầu của công nghệ sản xuất và phải phù hợp với các quy định về thiết kế xây dựng của các ngành.

Cần thiết kế hệ thống cấp nước tuần hoàn và hệ thống sử dụng lại nước.

2.4. Đối với nhà ở cao tầng, nhà hành chính, khách sạn, nhà an dưỡng, nhà nghỉ, nhà sản xuất, nhà phụ trợ, cần nghiên cứu phương án thiết kế hệ thống cấp nước phân vùng. Chiều cao phân vùng áp lực cấp nước được xác định theo tính toán với áp lực thủy tĩnh cho phép lớn nhất tại các họng chữa cháy, vòi nước sinh hoạt hoặc tại các vòi nước sản xuất theo quy định ở điều 3.9 của tiêu chuẩn này.

2.5. Việc cấp nước vào từng vùng có thể sử dụng máy bơm tăng áp, kết nước áp lực hoặc khí nén và cũng có thể lấy nước trực tiếp từ hệ thống cấp nước bên ngoài.

Áp lực nước của hệ thống cấp nước bên ngoài, phải được sử dụng để cấp nước cho các tầng dưới của công trình.

## 3. Tiêu chuẩn dùng nước, áp lực nước tự do

3.1. Tiêu chuẩn tính toán trong ngày dùng nước lớn nhất cho nhu cầu ăn uống sinh hoạt trong nhà ở, nhà công cộng, nhà sản xuất, nhà phụ trợ lấy theo tính năng sử dụng của nhà, mức độ trang bị các dụng cụ vệ sinh, điều kiện khí hậu và các điều kiện địa phương khác, theo bảng 1.

**Chú thích:**

*Tiêu chuẩn dùng nước cho một lần hoặc của một dụng cụ vệ sinh trong nhà ở, nhà công cộng, nhà sản xuất và nhà phụ trợ lấy theo phụ lục 1 của tiêu chuẩn này.*

3.2. Hệ số dùng nước không điều hoà giờ lấy theo quy định trong tiêu chuẩn “Cấp nước đô thị, Tiêu chuẩn thiết kế”.

**Bảng 1**

<b>Nơi dùng nước</b>	<b>Đơn vị dùng nước</b>	<b>Tiêu chuẩn dùng nước trong ngày dùng nhiều nhất 1/ngày</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Nhà ở bên trong mỗi căn hộ có một vòi nước sử dụng chung cho các nhu cầu sinh hoạt	Một người	Từ 80 đến 100
Nhà ở bên trong có trang thiết bị vệ sinh : vòi tắm, rửa, xí trong 1 căn hộ khép kín	Một người	Từ 100 đến 150
Nhà ở bên trong mỗi căn hộ có trang thiết bị vệ sinh : Hương sen tắm, rửa, xí, tắm đặc biệt	Một người	Từ 150 đến 200
Nhà ở bên trong mỗi căn hộ có bồn tắm và cấp nước nóng cục bộ	Một người	Từ 350 đến 400
Nhà ở tập thể kí túc xá có xí, tiểu vòi tắm giặt chung đặt ở các tầng	Một người	Từ 75 đến 100
Nhà ở tập thể có xí, tiểu, vòi tắm giặt, bếp riêng cho từng phòng	Một người	Từ 100 đến 120
Khách sạn – Hạng III	Một người	Từ 100 đến 120
- Hạng II	Một người	Từ 150 đến 200
- Hạng I	Một người	Từ 200 đến 250
- Hạng đặc biệt	Một người	Từ 250 đến 300
Bệnh viện, nhà điều dưỡng, nhà nghỉ (có bồn tắm chung và vòi tắm hương sen)	1 giường bệnh	Từ 250 đến 300
Nhà điều dưỡng, nhà nghỉ có bồn tắm trong tất cả các phòng	1 giường	Từ 300 đến 400
Trạm y tế, phòng khám đa khoa	1 bệnh nhân	15
Nhà tắm công cộng có vòi tắm hương sen	1 người tắm	Từ 125 đến 150
Nhà giặt bằng tay	1kg đồ giặt	40
Nhà giặt bằng máy	1 kg đồ giặt	Từ 60 đến 90
Công ty ăn uống, cửa hàng ăn uống		
a) Chế biến thức ăn tại chỗ	1 món ăn	12
b) Chế biến thức ăn đem về nhà	1 món ăn	10
Nhà ăn tập thể	1 người/ 1 bữa ăn	Từ 18 đến 25
Bể bơi trong 1 ngày đêm		
a) Bổ sung nước tràn	% dung tích bể	10
b) Vận động viên (tính cả tắm)	1 vận động viên	50
c) Khán giả	1 chỗ ngồi	3